| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 01/03/2024
*"V/v ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Văn Nghĩa và ông Trần Trung Thành

- ***Thư ký phiên toà:***ông Lưu Hoàng Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện VKSND tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2023/TLPT-DS ngày 17/11/2023 về "ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐ- PT ngày 16/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐ-PT ngày 31/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1978, nơi đăng ký HKTT thường trú: Thôn ĐT, xã ĐN, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cần báo tin: Số nhà 208 Lê L, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Quang H1, sinh năm 1990 địa chỉ: xã N, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Văn T, sinh năm 1994; Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV KM – Chi nhánh Quảng Bình, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: 230 Lý Thái T1, phường ĐS, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Văn D, sinh năm 1978, nơi ĐKNKTT và chổ ở hiện nay: Thôn ĐT, xã ĐN, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Văn Th sinh năm 1970, Luật sư của Công ty luật TNHH MTV GT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Số 102 đường Dương Văn A, phường ĐH1, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH XD và TM NĐ. Địa chỉ: Xã ĐN, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn D, chức vụ: Giám đốc Công ty. Vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Dương Văn Th sinh năm 1970, Luật sư của Công ty luật TNHH MTV GT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: Số 102 đường Dương Văn A, phường ĐH1, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Ông Nguyễn Công H2, sinh năm 1981 và bà Đặng Thị Thanh H3, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 6, ngõ 51 Ngô Đức K, phường ĐNĐ, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình; Ông, bà có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2023; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/02/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc H trình bày:*

- Về quan hệ tình cảm: Bà và ông D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã ĐN, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm, đầu năm 2023 đến nay thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, lối sống và cách hành xử hàng ngày. Ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm tổn thương vợ con, mâu thuẫn gia đình càng ngày càng trở nên gay gắt nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay, bà H đưa các con về nhà bố mẹ ruột sinh sống còn ông D sống một mình tại nhà riêng của vợ chồng. Vợ chồng tình cảm phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân quá căng thẳng, hạnh phúc gia đình không còn khả năng hàn gắn nên bà H có yêu cầu ly hôn ông D để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung, gồm: Phan Thị Thùy Tr, sinh ngày 22/11/2005; Phan Thị Thanh B, sinh ngày 22/8/2010; Phan Thế Q, sinh ngày 10/11/2012. Sau khi ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản chung, các khoản nợ chung:

1. Về tài sản chung:

1.1. Tài sản thứ nhất: Ngôi nhà 2 tầng xây dựng trên thửa đất 297 theo bản đồ số 15 diện tích xây dựng 124,5m2; địa chỉ tại số 316 Lê L, ĐH, Quảng Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Văn D, ngôi nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân (năm 2005), hiện tài sản trên đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Quảng Bình để bảo lãnh cho Công ty TNHH XD và TM NĐ (Công ty NĐ) vay vốn.

1.2. Tài sản thứ hai: Ngôi nhà 2 tầng xây dựng trên thửa đất số 64 tờ bản đồ số 29 diện tích 740,8m2; địa chỉ thửa đất thôn ĐT, xã ĐN, ĐH, Quảng Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dung đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Phan Văn D và Đặng Thị Ngọc H, hiện tài sản trên đang thế chấp để vay vốn tại Quỹ tín dụng ĐN.

Trị giá 2 tài sản trên khoảng 3 tỷ.

2. Về nợ chung: Vợ chồng hiện tại có các khoản nợ chung như sau:

2.1. Nợ Ngân hàng BIDV Quảng Bình: Khoảng 900.000.000 đồng;

2.2. Nợ Quỹ tín dụng nhân dân ĐN: Khoảng 1.800.000.000 đồng;

2.3. Nợ cá nhân ông H2, bà H3: 3.000.000.000 đồng;

Hai khoản tại Ngân hàng BIDV và Quỹ tín dụng nhận dân ĐN đã được Tòa án giải quyết và đang ở giai đoạn thi hành án.

Bà H có yêu cầu chia đôi tài sản, chia đôi nợ chung theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn D trình bày

- Về quan hệ tình cảm: Thống nhất như bà H trình bày về quá trình kết hôn, chung sống của vợ chồng. Do công việc làm ăn kinh doanh của ông D không thuận lợi, kinh tế eo hẹp nên ông thường xuyên phải vắng nhà để giải quyết công việc của Công ty nhằm cải thiện kinh tế gia đình. Một phần do khó khăn về kinh tế, một phần do ông thường xuyên vắng nhà dẫn đến giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xung đột do không tin tưởng nhau về cả tình cảm lẫn kinh tế. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, ngột ngạt, vợ chồng không có tiếng nói chung và nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa được. Do tình trạng vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nên ngày 12/01/2023 (tức ngày 21 tháng chạp) bà H đã đưa 03 con về nhà bố mẹ ruột sinh sống cho đến hiện tại. Vì vậy, đến thời điểm này mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H có yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông thống nhất vợ chồng có 03 con chung như bà H trình bày. Ông D đồng ý giao cả ba con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 4.000.000 đồng.

- Về tài sản chung:

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 287, tờ bản đồ số 29, diện tích 92,5 m2, địa chỉ: số 316 Lê L, ĐH, Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Văn D; trên thửa có 01 ngôi nhà đổ 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 160 m và tường rào bao quanh. Hiện tài sản trên đang thế chấp tại Ngân hàng BIDV Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/11/2008. Tài sản cũng đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của Tòa án và đang trong giai đoạn thi hành án. Đây là tài sản riêng của ông D do ông tạo lập trước khi kết hôn với bà H, ông không đồng ý phân chia.

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, diện tích 740,8 m2; địa chỉ: tại thôn ĐT, xã ĐN, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở mang tên ông Phan Văn D và bà Đặng Thị Ngọc H; Trên thửa đất này vợ chồng có xây dựng 01 ngôi nhà đổ 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 400 m2 và tường rào bao quanh. Hiện tài sản trên đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân ĐN, đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực của Tòa án, đang trong giai đoạn thi hành án. Nguồn gốc của tài sản này là do ông D được bố mẹ ông tặng cho để làm nơi thờ tự ông bà tổ tiên và ông phải có nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ tuổi già. Bà H chỉ có một phần công sức đóng góp trong việc tạo dựng nên tài sản chung này là ngôi nhà trên đất nên khi

xem xét phân chia đề nghị Tòa án xét đến nguồn gốc và công sức đóng góp của mỗi bên trong khối tài sản chung được tạo lập.

- Về nợ chung: Ông D trình bày vợ chồng có các khoản nợ chung sau đây:

1. Khoản tiền nợ gốc và lãi là 2.084.880.500 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 453-1/XD/HĐTD ký kết ngày 28/8/2018 giữa ông Phan Văn D - bà Đặng Thị Ngọc H với Quỹ tín dụng nhân dân ĐN. Khoản nợ này được bảo đảm bằng tài sản là nhà, đất tại thôn ĐT, xã ĐN, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình, nghĩa vụ trả nợ của ông D, bà H đã được xác định theo quyết định công nhận thỏa thuận của đương sự số 15/2022/QĐST-DS ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH. Quyết định đang ở giai đoạn thi hành án.

2. Khoản tiền nợ gốc và lãi là khoảng 4.100.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký kết ngày 13/11/2019 giữa bên vay ông Phan Văn D - bà Đặng Thị Ngọc H và bên cho vay ông Nguyễn Công H2 - bà Đặng Thị Thanh H3.

3. Khoản tiền nợ 1.500.000.000 đồng ông D vay của ông Đặng Văn A1 để trả nợ 02 khoản vay mà trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông có vay của anh Phan Văn H4 và chị Phan Thị L1 (anh, chị ruột của ông D) để lấy vốn kinh doanh. Khoản tiền vay này của bà H biết và đồng ý vay.

4. Khoản vay 300.000.000 đồng ông D vay của một người bạn của ông vào khoảng thời gian tháng 10/2022 để lo việc của Công ty NĐ. Tuy nhiên, số tiền này bà H đang chiếm giữ.

Tổng số tiền nợ chung là khoảng 8.000.000.000 đồng.

Ngoài ra ông D trình bày vợ chồng còn có các khoản nợ chung nhằm mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty NĐ với tổng số tiền 41 tỷ, gồm: Vay BIDV Quảng Bình 11 tỷ; vay của các doanh nghiệp tạm tính 20 tỷ, vay của cá nhân tạm tính 10 tỷ.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận được đơn trình bày của các cháu: Phan Thị Thùy Tr, Phan Thị Thanh B và Phan Thế Q. Cả ba cháu đều có nguyện vọng trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu muốn được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

* Ý kiến của đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân ĐN: Vợ chồng ông D, bà H có quan hệ vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân ĐN theo Hợp đồng tín dụng số 453-1/XD/HĐTD ngày 28/8/2018/, với số tiền nợ gốc là 1.470.000.000 đồng và nợ lãi, tổng nợ khoảng trên 2 tỷ đồng. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, diện tích 740,8m2, địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐN, thành phố ĐH, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản mang tên ông D và bà H. Nghĩa vụ trả nợ của ông D, bà H đã được xác định tại Quyết định số 15/2022/QĐST-DS ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH, hiện ông D, bà H vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân ĐN và Quyết định có hiệu lực của Tòa án nói trên vẫn đang ở giai đoạn thi hành án theo yêu cầu.

* Ý kiến của đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Công ty NĐ do ông Phan Văn D làm Giám đốc - đại diện theo pháp luật có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình. Dư nợ của Công ty

NĐ tạm tính đến ngày 19/9/2023 là 10.226.103.546 đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty NĐ đã sử dụng nhiều tài sản là động sản, bất động sản của Công ty và của bên thứ ba để thế chấp vay vốn, trong đó có Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 287, tờ bản đồ số 29, diện tích 92,5 m2, địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐN, thành phố ĐH, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phan Văn D. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4/2008/HĐ ngày 19/11/2008 đã ký giữa bên thế chấp là ông Phan Văn D, bà Đặng Thị Ngọc H, bên vay là Công ty NĐ và bên nhận thế chấp là BIDV Quảng Bình. Nghĩa vụ trả nợ của Công ty NĐ, nghĩa vụ của bên thế chấp tài sản là ông D, bà H đối với khoản vay của Công ty NĐ đã được xác định tại Quyết định số 10/2017/QĐST-DS ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH, hiện Công ty NĐ chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho BIDV và Quyết định nói trên vẫn đang ở giai đoạn thi hành án theo yêu cầu.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công H2 và bà Đặng Thị Thanh H3: Ngày 13/11/2019, vợ chồng ông Phan Văn D, bà Đặng Thị Ngọc H có vay của vợ chồng ông Nguyễn Công H2 và bà Đặng Thị Thanh H3 số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Thời hạn vay: 01 tháng, lãi suất 0,6%/tháng, nhằm mục đích kinh doanh. Hợp đồng vay được các bên ký kết và công chứng tại VPCC HV, thành phố ĐH. Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay ông D, bà H chưa thanh toán cho ông H2, bà H3. Nay được biết ông D, bà H đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thành phố ĐH, ông H2, bà H3 có yêu cầu ông D. Bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc: 3 tỷ đồng và số tiền nợ lãi tạm tính là 810.00.00 đồng.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn A1:

Vào ngày 29/12/2022, vợ chồng ông D, bà H có mượn của ông số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để trả khoản nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân ĐN, vay không có lãi suất, thời hạn vay 54 tháng. Việc vay mượn có lập thành Hợp đồng giữa bên vay là ông Phan Văn D, bên cho vay là ông Đặng Văn A1, bà H biết và đồng ý việc vay tiền này. Đến nay ông D, bà H chưa trả cho ông, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc H có văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về các khoản nợ chung của vợ chồng mà ông D trình bày. Theo đó bà H chỉ thừa nhận vợ chồng có các khoản nợ chung gồm nợ Quỹ tín dụng nhân dân ĐN, nợ BIDV Quảng Bình và nợ cá nhân ông H2, bà H3. Đối với khoản vay mà vợ chồng bà vay của ông H2, bà H3 là vay để nộp tiền thuế đất cho Công ty NĐ vì vậy, bà có yêu cầu Công ty NĐ phải có trách nhiệm trả nợ.

Bà H không thừa nhận khoản vay 1.500.000.000 đồng do ông D vay của ông Đặng Văn A1 theo Hợp đồng mượn tiền ngày 29/12/2022, khoản vay ông D vay một người bạn của ông 300.000.000 đồng vào thời điểm tháng 10/2022, các khoản vay do ông D kê khai là vay của Công ty NĐ là khoản vay chung của vợ chồng vì bà hoàn toàn không biết đến việc vay mượn tiền này của ông D, bà H không chiếm giữ và sử dụng số tiền vay 300.000.000 đồng như ông D trình bày. Vì vậy, bà không có nghĩa vụ phải trả nợ chung với ông D đối với các khoản vay trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ly hôn và tranh chấp con chung, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Bị đơn ông Phan Văn D, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn C và bà Trần Thị P (là bố mẹ ruột của ông D) trình bày: Tài sản quyền sử dụng đất của thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, diện tích 740,8 m2 có địa chỉ thửa đất tại thôn ĐT, xã ĐN, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình có nguồn gốc là đất tổ tiên, ông bà để lại. Ông D là con út trong gia đình nên được giao nhiệm vụ thờ cúng ông bà tổ tiên và chăm sóc bố mẹ. Vì muốn tạo điều kiện thuận lợi cho vợ chồng ông D có tài sản thế chấp vay vốn làm ăn nên ông bà đã ký hợp đồng tặng cho ông D, bà H tài sản này. Tuy nhiên, nay ông D, bà H ly hôn thì ông bà có yêu cầu hủy bỏ việc tặng cho tài sản giữa ông, bà với vợ chồng ông D, bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông C, bà P (bố mẹ ông D) với bên được tặng cho là ông D, bà H vô hiệu do giả tạo để che dấu Hợp đồng vay tiền; Yêu cầu chia theo quy định của pháp luật tất cả các khoản nợ bao gồm nợ do vợ chồng ông D, bà H cùng ký kết vay, các khoản nợ do cá nhân ông D vay và các khoản nợ khác hiện Công ty NĐ đang có nghĩa vụ phải thanh toán. Vì tất cả các khoản nợ này đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông D, bà H và bà H cũng có một phần vốn góp trong Công ty NĐ. Đối với số tiền 300 triệu đồng mà bà H đang chiếm giữ trái phép của Công ty NĐ thì Công ty sẽ củng cố tài liệu, chứng cứ để yêu cầu khởi tố hành vi trái pháp luật này của bà H theo quy định của pháp luật hình sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không chấp nhận các yêu cầu về chia nợ chung như bị đơn trình bày, có yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thực hiện xem xét thẩm định tại chổ tài sản, phục vụ cho việc phân chia tài sản chung của vợ chồng ông D, bà H.

Ông D, bà H với ông H2, bà H3 thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2019: Ông D, bà H mỗi người phải trả cho ông H2, bà H3 số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), các bên thỏa thuận không tính lãi.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:***33/2023/HNGĐ-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố ĐH đã quyết định: Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219; các Điều 147, 244, 246 BLTTDS;Điều 463, 466, 468 BLDS 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

***Xử:***

1 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc H đối với yêu cầu ly hôn và tranh chấp con chung, chia tài sản chung;

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Công H2, bà Đặng Thị Thanh H3 với ông Phan Văn D, bà Đặng Thị Ngọc H:

Buộc bà Đặng Thị Ngọc H, ông Phan Văn D mỗi người phải trả cho ông Nguyễn Công H2 và bà Đặng Thị Thanh H3 số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468BLTTDS

Ngoài ra Bản án dân sự còn quyết định về phần án phí; quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; quyền kháng cáo của bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2023, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc H kháng cáo đề nghị: xác định Công ty TNHH XD & TM NĐ và ông Phan Văn D (người đại diện theo pháp luật) có nợ bà H số tiền 1.500.000.000 đồng.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và nội dung kháng cáo.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thừa nhận trong số tiền cho vay 3.000.000.000 đồng đang tranh chấp thì có một phần dùng để nộp thuế cho công ty TNHH XD & TM NĐ.

- Luật sư nguyên đơn có ý kiến: Số tiền vay, bà H không nhận được đồng nào, tiền vay không dùng vào mục đích cho gia đình mà dùng cho công ty. Nên đề nghị sửa án sơ thẩm xác định nợ của công ty chứ không phải nợ chung của ông D, bà H. Việc thỏa thuận là do bà nhầm lẫn về nghĩa vụ.

- Luật sư của bị đơn có ý kiến: Căn cứ theo quy định của pháp luật thì sự thỏa thuận của các bên đương sự là có hiệu lực ngay nên không thể kháng cáo. Về yêu cầu kháng cáo của bà H là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo là hợp lệ nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của bà Đặng Thị Ngọc H đề nghị: xác định Công ty TNHH XD & TM NĐ và ông Phan Văn D (người đại diện theo pháp luật) có nợ bà H số tiền 1.500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, khoản vay 3.000.000.000 đồng ông Phan Văn D, bà Đặng Thị Ngọc H vay của ông Nguyễn Công H2, bà Đặng Thị Thanh H3 theo Hợp đồng vay tiền ngày 13/11/2019, các bên đã thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ và phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 3.000.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều

cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 463, 466 Bộ luật dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Buộc ông D, bà H mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông H2, bà H3 số tiền 1.500.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

Mặc dù, bà H3 và ông H2 thừa nhận một phần tiền vay là để trả nợ thuế cho công ty TNHH XD & TM NĐ. Nhưng việc bà H kháng cáo đề nghị xác định công ty TNHH XD & TM NĐ có nợ bà H số tiền đã thỏa thuận trên là 1.500.000.000đ. HĐXX thấy đây là một yêu cầu hoàn toàn mới, vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không có cơ sở để xem xét, cần bác kháng cáo. Bà H có quyền yêu cầu khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

[4]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình về việc "kiện xin ly hôn, con chung, chia tài sản chung và nợ chung".

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: 31/AA/2021/0001684 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (01/3/2024).

***Nơi nhận:***
- VKSND T.Quảng Bình;
- Chi cục THADS TP. ĐH;
- TAND TP. ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hoàng Thị Thanh Nhàn**